

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD CAPITAL JSC

Số/No: 145 /2026/CV-HDCAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Ho Chi Minh City, August 14th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*

- Tên Công ty

Company

- Tên giao dịch

Trading Name

- GP TL&HĐ số

Establishment and Operation License No

- Địa chỉ trụ sở chính

Head Office

- Điện thoại/Tel

- Fax

- Người thực hiện CBTT

Person in charge of information disclosure

- Chức danh/Title:

- Loại thông tin công bố:

Type of disclosure

- Nội dung thông tin công bố

Contents of disclosure

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD Capital JSC

HDCapital

44/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 24/11/2008, sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

License No. 44/UBCK-GP, initially issued by the State Securities Commission of Vietnam on 24 November 2008, as amended and supplemented from time to time.

Lầu 7, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP.HCM, Việt Nam.

7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

(84 28) 99986818

(84 28) 39151616

Nguyễn Thành Long

Tổng Giám đốc/ *General Director*

☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu

☒ Periodic ☐ Extraordinary ☐ Request

Công ty cổ phần quản lý quỹ HD ("Công ty") công bố:
HD Capital JSC (the "Company") hereby announces:

i. Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 chưa soát xét toán.

Semi-annual financial report for 2026 unaudited.

ii. Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận

The official letter explaining the profit variance/ clarifying the difference in profit

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2026 tại đường dẫn: <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

This information were published on the company's website on August 14th, 2026 as in the link <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility before the law.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Documents related to the disclosed information

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CBTT
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION
DISCLOSURE

TỔNG GIÁM ĐỐC / General Director



Nguyễn Thành Long



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
BÁN NIÊN NĂM 2026
CHƯA SOÁT XÉT

Ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.131.914.415	38.693.209.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	10.325.397.246	18.286.875.411
111	1. Tiền		6.989.975.326	9.286.875.411
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.335.421.920	9.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2	4.166.749.600	5.259.118.337
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.982.692.655	6.075.060.871
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(815.943.055)	(815.942.534)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		572.552.282	14.942.084.491
131	1. Phải thu của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	45.338.707	40.478.707
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.4	517.933.316	14.901.605.784
135	4. Các khoản phải thu khác		9.280.259	-
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.215.287	205.131.165
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.5	57.215.287	205.131.165
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		30.925.368.727	12.840.281.736
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.058.750.954	1.341.116.654
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	71.867.636	33.050.000
222	- Nguyên giá		108.424.800	59.490.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.557.164)	(26.440.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.7	986.883.318	1.308.066.654
228	- Nguyên giá		3.118.500.000	3.118.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.131.616.682)	(1.810.433.346)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.8	29.014.916.138	11.188.506.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		30.683.041.008	11.188.506.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.668.124.870)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		851.701.635	310.659.082
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.9	516.331.889	42.565.992
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.10	335.369.746	268.093.090
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.057.283.142	51.533.491.140

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD*Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		467.739.172	901.122.948
310	I. Nợ ngắn hạn		467.739.172	901.122.948
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	5.11	155.569.877	75.346.514
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.12	116.786.814	201.720.051
315	5. Phải trả người lao động		165.011.126	374.020.383
316	6. Chi phí phải trả		30.000.000	250.036.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		371.355	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.589.543.970	50.632.368.192
410	I. Vốn chủ sở hữu		45.589.543.970	50.632.368.192
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.13	75.000.000.000	75.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.410.456.030)	(24.367.631.808)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.057.283.142	51.533.491.140

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3.	Tài sản nhận ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		741.442.372	741.442.372
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	5.14	26.198.400.000	12.183.900.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch		26.190.900.000	12.183.900.000
6.2.	Chứng khoán chờ thanh toán		7.500.000	-
7.	Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		-	-
8.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		1.988.656.380	1.343.425.665
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.15	1.988.656.380	1.343.425.665
9.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		986.918.643.740	986.918.643.740
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.16	986.918.643.740	986.918.643.740
10.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	-
11.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		228.092.190	271.722.098

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu	6.1	2.047.963.302	1.141.475.566
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		2.047.963.302	1.141.475.566
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	6.2	2.381.041.908	1.297.673.884
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		(333.078.606)	(156.198.318)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	2.342.403.890	810.242.083
22	7. Chi phí tài chính	6.4	2.004.277.603	89.937.242
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	5.047.871.903	4.616.825.265
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
31	10. Thu nhập khác		-	543.296.882
32	11. Chi phí khác		-	543.296.882
40	12. Lợi nhuận khác (40=31-32)		-	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.6	-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.7	(672)	(605)
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.8	(672)	(605)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		16.442.078.941	1.407.215.153
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(1.708.944.480)	(1.963.125.799)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(4.595.535.032)	(3.456.705.008)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		96.829.277	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.273.483.362)	(1.008.216.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.960.945.344	(5.020.832.619)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(392.549.086)	(250.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(18.502.614.976)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.237.589.000	2.141.041.096
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.014.025.600)	(36.204.783.550)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		515.038.550	22.345.555.742
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.234.138.603	468.876.515
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.922.423.509)	(11.499.310.197)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		(7.961.478.165)	(16.520.142.816)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.1	18.286.875.411	29.232.927.281
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	5.1	10.325.397.246	12.712.784.465

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Kỳ này		Kỳ trước			
		Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 01/01/2025	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại 30/06/2026	Tại 30/06/2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.000.000.000	50.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
3. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.367.631.808)	(24.559.288.007)	-	(5.042.824.222)	-	(4.052.718.742)	(29.410.456.030)	(28.612.006.749)
Cộng		50.632.368.192	25.440.711.993	-	(5.042.824.222)	25.000.000.000	(4.052.718.742)	45.589.543.970	46.387.993.251

ĐVT: VNĐ

ĐVT: VND

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH LONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1.3. Tổng số nhân viên và lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số nhân viên Công ty là 24 người (số đầu năm là 25 người).

1.4. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này tăng 79,41% so với kỳ trước nhưng các chi phí tài chính kỳ này tăng 2.128,53% so với kỳ trước (chủ yếu là trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh), do đó Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này vẫn âm.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

3.2. Cam kết kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư HD cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá vốn của chính chứng khoán kinh doanh đó và hạch toán tăng doanh thu tài chính kể từ ngày mua. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3. Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	05

4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của các cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.11. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	5.345.344.000	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.644.631.326	9.286.875.411
Trong đó:		
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	514.939.740	9.022.570.830
+ Các ngân hàng khác	1.129.691.586	264.304.581
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.335.421.920	9.000.000.000
Cộng	10.325.397.246	18.286.875.411

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá gốc các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.982.692.655	6.075.060.871
+ Công ty CP Chứng khoán MB (MBS)	1.620.471.300	1.798.576.300
+ Các khoản đầu tư khác	3.362.221.355	4.276.484.571
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(815.943.055)	(815.942.534)
Cộng	4.166.749.600	5.259.118.337

5.3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trả trước cho các người bán khác	45.338.707	40.478.707
Cộng	45.338.707	40.478.707

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	228.092.190	271.722.098
- Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	74.794.517	125.753.422
- Các đối tượng khác	153.297.673	145.968.676
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư	36.400.000	14.336.400.000
- Khác	36.400.000	14.336.400.000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	253.441.126	293.483.686
- Quỹ đầu tư trái phiếu lợi tức cao HD	42.849.236	44.294.872
- Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng RỒNG VÀNG	44.794.544	46.964.189
- Quỹ đầu tư doanh nghiệp tiềm năng	165.797.346	202.224.625
Cộng	517.933.316	14.901.605.784

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	53.573.617	112.077.831
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.641.670	93.053.334
Cộng	57.215.287	205.131.165

5.6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	59.490.000	59.490.000
Tăng trong kỳ	48.934.800	48.934.800
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	108.424.800	108.424.800
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	26.440.000	26.440.000
Khấu hao trong kỳ	10.117.164	10.117.164
Số cuối kỳ	36.557.164	36.557.164
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	33.050.000	33.050.000
Số cuối kỳ	71.867.636	71.867.636

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.118.500.000	3.118.500.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3.118.500.000	3.118.500.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu kỳ	1.810.433.346	1.810.433.346
Khấu hao trong kỳ	321.183.336	321.183.336
Số cuối kỳ	2.131.616.682	2.131.616.682
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.308.066.654	1.308.066.654
Số cuối kỳ	986.883.318	986.883.318

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.683.041.008	11.188.506.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Trái phiếu CII425021	21.745.950.558	5.051.835.550
+ Khác	8.937.090.450	6.136.670.450
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.668.124.870)	-
Cộng	29.014.916.138	11.188.506.000

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	516.331.889	42.565.992
Cộng	516.331.889	42.565.992

5.10. Tài sản sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược	335.369.746	268.093.090
Cộng	335.369.746	268.093.090

5.11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư XD Bình Minh Việt	84.422.356	-
- Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	63.250.000	63.250.000
- Phải trả người bán khác	29.069.877	12.096.514
Cộng	155.569.877	75.346.514

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
-Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNCN	201.720.051	-	390.236.919 (475.170.156)		116.786.814	-
Cộng	201.720.051	-	390.236.919 (475.170.156)		116.786.814	-

5.13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Phạm Văn Đầu	39.000.000.000	52,00	39.000.000.000	52,00
- Các chủ sở hữu khác	36.000.000.000	48,00	36.000.000.000	48,00
Cộng	75.000.000.000	100,00	75.000.000.000	100,00

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	75.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	25.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.000.000.000	75.000.000.000

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.14. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ

Là giá trị các chứng khoán Công ty đang nắm giữ tại ngày cuối kỳ theo mệnh giá.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị các chứng khoán là cổ phiếu (mệnh giá 10.000/cổ phiếu)	1.961.000.000	2.212.000.000
- Giá trị các chứng khoán là trái phiếu (mệnh giá 100.000/trái phiếu)	24.237.400.000	9.971.900.000
Cộng	26.198.400.000	12.183.900.000

5.15. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	1.137.112.933	400.079.753
Số tăng trong kỳ	24.394.357.677	255.081.215.864
- Lãi từ tiền gửi của nhà đầu tư	1.648.948	11.610.763
- Nhận tiền ủy thác	-	67.600.000.000
- Nộp tiền thanh toán phí	222.052.729	156.284.101
- Bán chứng khoán	-	185.039.660.000
- Cổ tức được nhận	24.170.656.000	2.273.661.000
Số giảm trong kỳ	23.542.814.230	(254.993.756.226)
- Phí quản lý	272.158.230	(539.061.972)
- Rút vốn ủy thác, lãi	23.270.656.000	(240.505.500.816)
- Mua chứng khoán	-	(13.949.193.438)
Số dư cuối kỳ	1.988.656.380	487.539.391

5.16. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
Cổ phiếu niêm yết	680.627.420.000	1.195.306.564.200	514.679.144.200
SIP	145.523.590.000	179.622.004.200	34.098.414.200
VRG	27.600.000.000	11.600.000.000	(16.000.000.000)
QTP	1.454.230.000	1.180.000.000	(274.230.000)
PET	506.049.600.000	1.002.904.560.000	496.854.960.000
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	303.723.223.740	(2.568.000.000)
Công ty CP Khách sạn và Du Lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Ưt Xi (UXC)	3.000.000.000	432.000.000	(2.568.000.000)
Cộng	986.918.643.740	1.499.029.787.940	512.111.144.200

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường, do đó giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
b) Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>680.627.420.000</i>	<i>830.750.016.400</i>	<i>150.122.596.400</i>
SIP	145.523.590.000	187.835.336.400	42.311.746.400
VRG	27.600.000.000	14.400.000.000	(13.200.000.000)
QTP	1.454.230.000	1.250.000.000	(204.230.000)
PET	506.049.600.000	627.264.680.000	121.215.080.000
<i>Cổ phiếu không niêm yết</i>	<i>306.291.223.740</i>	<i>304.011.223.740</i>	<i>(2.280.000.000)</i>
Công ty CP Khách sạn và Du Lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBank) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (UXC)	3.000.000.000	720.000.000	(2.280.000.000)
Cộng	986.918.643.740	1.134.761.240.140	147.842.596.400

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường, giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	790.401.973	670.348.596
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	218.400.000	218.400.000
- Doanh thu dịch vụ quản lý quỹ đầu tư	1.039.161.329	252.726.970
Cộng	2.047.963.302	1.141.475.566

6.2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

Là các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư.

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tư vấn chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư	2.381.041.908	1.297.673.884
Cộng	2.381.041.908	1.297.673.884

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	701.356.580	471.210.780
- Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.570.257.446	339.031.303
- Cổ tức được nhận	70.789.864	-
Cộng	2.342.403.890	810.242.083

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	326.895.312	24.477.166
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	1.668.125.391	65.460.076
- Chi phí tài chính khác	9.256.900	-
Cộng	2.004.277.603	89.937.242

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	2.438.708.779	2.242.335.340
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	97.413.792	73.387.826
- Chi phí khấu hao	331.300.500	307.765.002
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712.266.359	1.650.876.446
- Chi phí bằng tiền khác	468.182.473	342.460.651
Cộng	5.047.871.903	4.616.825.265

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức được chia	-	-
Thu nhập chịu thuế	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Chuyển lỗ những năm trước (*)	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bảng theo dõi chuyển lỗ:

Năm phát sinh lỗ thu nhập chịu thuế	Số lỗ thu nhập chịu thuế được chuyển	Số lỗ thu nhập chịu thuế đã chuyển các kỳ trước	Số lỗ thu nhập chịu thuế đã chuyển kỳ này	Số lỗ thu nhập chịu thuế còn được chuyển sang các kỳ sau
2021	(828.474.238)	368.719.808		(459.754.430)
2022	(6.895.887.791)	-	-	(6.895.887.791)
2023	(10.918.508.308)	-	-	(10.918.508.308)
2024	(890.182.169)	-	-	(890.182.169)
Cộng	(19.533.052.506)	368.719.808	-	(19.164.332.698)

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.500.000	6.698.895
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(672)	(605)

6.8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.500.000	6.698.895
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(672)	(605)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)**7.1 Giao dịch với các bên liên quan****7.1.1 Thu nhập của các thành viên chủ chốt (các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc) của Công ty**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thù lao	210.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung (Chủ tịch HĐQT)	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Thành Long (TV HĐQT)	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Lê Quỳnh Như (TV HĐQT)	60.000.000	20.000.000
Lương	921.100.000	910.857.000
Ông Nguyễn Thành Long (Tổng GĐ)	921.100.000	910.857.000
Cộng	1.131.100.000	1.080.857.000

7.1.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối liên quan	Nội dung giao dịch	Kỳ này	Kỳ trước
Quỹ Đầu tư trái phiếu lợi tức cao HD (“Quỹ HDBOND”)	Là quỹ mở được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	262.226.878	252.726.970
Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Tiềm Năng (“Quỹ PEIF”)	Là quỹ thành viên được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	496.854.563	-
Quy đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Rộng Vàng (Quỹ “GDEGF”)	Là quỹ mở được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	276.794.398	-

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận▪ **Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty chủ yếu từ hoạt động dịch vụ quản lý danh mục đầu tư. Quản lý quỹ mở và tư vấn đầu tư chứng khoán.

▪ **Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.4 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026.

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH LONG